

Số: 64 /TB-BQLVQG

Côn Đảo, ngày 28 tháng 10 năm 2016

## THÔNG BÁO

**Về kết quả xét tuyển viên chức và danh sách dự kiến  
trúng tuyển viên chức của Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo**  
*Tại: Kỳ xét tuyển viên chức năm 2016 theo Quyết định số 195/QĐ-SNV*

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 và Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng viên chức;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-SNV ngày 18/5/2016 của Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức thuộc Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quy định thẩm quyền quản lý viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Trên cơ sở báo cáo kết quả xét tuyển viên chức của Hội đồng xét tuyển viên chức Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo,

Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo thông báo như sau:

1. Kết quả xét tuyển viên chức và danh sách những người dự kiến trúng tuyển viên chức của Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo (theo bảng chi tiết đính kèm)

2. Thí sinh có nhu cầu phúc khảo kết quả xét tuyển, nộp đơn phúc khảo về Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo (địa chỉ: số 29 đường Võ Thị Sáu, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu), trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

Thông báo này được niêm yết công khai tại Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo và được đăng trên trang thông tin điện tử [www.condaopark.com.vn/](http://www.condaopark.com.vn/).

### Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để theo dõi);
- Ban Giám sát theo QĐ số 202/QĐ-SNV;
- Các Phó giám đốc;
- Trang Website Vườn quốc gia Côn Đảo;
- Niêm yết tại trụ sở BQL Vườn quốc gia Côn Đảo;
- Lưu: VT, HSXTVC

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Trần Duy Lịch*

KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CỦA BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

Ký xét tuyển: Theo Quyết định số 195/QĐ-SNV ngày 18/5/2016 của Sở Nội vụ tỉnh BR-VT

(Kèm theo Thông báo số 64 /TB-BQLVQG ngày 28 /10/2016 của Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo)

| Các thông tin về thí sinh tham gia dự tuyển |                               |                           |                                                     |             |        |                       |           |            |                         |                                                     |                                                        |                                 |                                                                     |                                          |                                  |         |    |                 |
|---------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------|-----------|------------|-------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|---------|----|-----------------|
| Cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển công chức  |                               |                           | STT của thí sinh dự tuyển theo từng vị trí việc làm | Số báo danh | Họ tên | Ngày tháng năm sinh   |           | Quê quán   | Diện ưu tiên            | Nội dung xét tuyển                                  |                                                        |                                 |                                                                     | Tổng cộng điểm xét tuyển (=cột 12+13+16) | Dự kiến trúng tuyển (danh đầu x) | Ghi chú |    |                 |
| Tên cơ quan, đơn vị                         | Tên phòng, bộ phận trực thuộc | Vị trí việc làm cần tuyển |                                                     |             |        | Nam                   | Nữ        |            |                         | Điểm học tập (quy đổi theo thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm tốt nghiệp (quy đổi theo thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm phòng vấn gồm các nội dung | Tổng điểm phòng vấn = cột 14+15 (tính theo thang điểm 100, hệ số 2) |                                          |                                  |         |    |                 |
| 01                                          | 2                             | 3                         | 4                                                   | 5           | 6      | 7                     | 8         | 9          | 10                      | 11                                                  | 12                                                     | 13                              | 14                                                                  | 15                                       | 16                               | 17      | 18 | 19              |
|                                             |                               |                           |                                                     | 1           | 01     | Hồ Thị Huệ            |           | 06/12/1989 | Quảng Xương, Thanh Hoá  | -                                                   | 0,0                                                    | 153,6                           | 23,5                                                                | 37,5                                     | 122,0                            | 275,6   | x  | Đào tạo tin chỉ |
|                                             |                               |                           | 02                                                  | 2           | 02     | Nguyễn Thị Hồng       |           | 18/01/1988 | Quảng Trạch, Quảng Bình | Con bệnh binh 61%                                   | 73,0                                                   | 75,0                            | Bộ phòng văn                                                        | Bộ phòng văn                             | 0,0                              | 148,0   |    |                 |
|                                             |                               |                           |                                                     | 3           | 03     | Nguyễn Thị Thu Phương |           | 15/09/1992 | Ba Vì, Hà Nội           | -                                                   | 71,5                                                   | 75,0                            | Bộ phòng văn                                                        | Bộ phòng văn                             | 0,0                              | 146,5   |    |                 |
|                                             |                               |                           |                                                     | 4           | 04     | Nguyễn Thị Thùy Trang |           | 10/6/1992  | Vị Thủy, Hậu Giang      | -                                                   | 0,0                                                    | 165,0                           | 28,5                                                                | 35,5                                     | 128,0                            | 293,0   | x  | Đào tạo tin chỉ |
| 02                                          |                               |                           |                                                     | 5           | 05     | Đỗ Tuấn Vũ            | 27/7/1991 |            | Yên Mô, Ninh Bình       | -                                                   | 67,5                                                   | 63,3                            | 29,5                                                                | 36,0                                     | 131,0                            | 261,8   |    |                 |
|                                             |                               |                           |                                                     | 1           | 01     | Võ Thị Hữu Hiệp       |           | 21/01/1990 | Duy Xuyên, Quảng Nam    | -                                                   | 0,0                                                    | 153,0                           | 29,3                                                                | 52,0                                     | 162,5                            | 315,5   | x  | Đào tạo tin chỉ |
|                                             |                               |                           |                                                     | 2           | 02     | Nguyễn Thị Ngọc Mai   |           | 18/5/1987  | Đức Thọ, Hà Tĩnh        | -                                                   | 68,6                                                   | 80,0                            | 0,0                                                                 | 0,0                                      | 0,0                              | 148,6   |    |                 |
|                                             |                               |                           |                                                     | 3           | 03     | Lữ Đăng Thị Sơn       |           | 30/01/1989 | Thọ Xuân, Thanh Hoá     | -                                                   | 0,0                                                    | 169,6                           | Bộ phòng văn                                                        | Bộ phòng văn                             | 0,0                              | 169,6   |    | Đào tạo tin chỉ |

